

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2022

“V/v kiện xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Ông Hoàng Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 17/02/2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 25/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1975. ĐKNKTT: Nhóm A, Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987. ĐKNKTT: Nhóm A, Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ cần báo: Thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/11/2021, được bổ sung tại bản tự khai, phiên hòa giải và các đơn trình bày, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/12/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung khắc do không hòa hợp về cách sống, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể cùng nhau giải quyết mọi việc. Đến tháng 5/2021 vợ chồng bắt đầu sống ly thân, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện Q sinh sống, anh P thì sống tại thành phố Đ. Vợ chồng bỏ mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên mong

muốn được ly hôn.

Tại bản tự khai, buổi hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thanh T trình bày: chị và anh Trần Văn P có đăng ký kết hôn vào ngày, tháng, năm và nơi đăng ký kết hôn như anh P trình bày, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra xích mích, cãi vã vì bất đồng quan điểm. Anh P đã nặng lời xúc phạm đến chị T và gia đình bên ngoại. Chị T buồn nên đưa con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 5/2020 cho đến nay nhưng anh P bỏ mặc, không quan tâm hỏi han cũng không liên lạc với vợ con. Nay anh P làm đơn xin ly hôn, chị vẫn muốn níu kéo hạnh phúc nhưng nếu anh vẫn kiên quyết thì chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thanh T đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trần Mai L, sinh ngày: 05/5/2020. Quá trình hòa giải, anh P và chị T đã đều thống nhất giao con chung là cháu Trần Mai A, sinh ngày: 05/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Nhưng sau đó chị T thay đổi ý kiến đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con lên 7.000.000đ/tháng vì cho rằng anh P có thu nhập cao. Còn anh P cho rằng khả năng anh chỉ chu cấp tiền nuôi con chung là 2.500.000đ, nếu chị T không đảm đương được việc nuôi con thì anh sẽ nhận nuôi và đề nghị chị cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ

- Về tài sản chung: Anh P khai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, chị T cũng khai không có tài sản chung nhưng khi thay đổi ý kiến chị lại trình bày yêu cầu giải quyết tài sản chung, tuy nhiên tài liệu liên quan đến tài sản chị sẽ cung cấp sau. Tại phiên tòa chị không cung cấp thêm tài liệu gì liên quan đến tài sản.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 17/12/2021, anh P và chị T đều nhất trí ly hôn và thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Mai A, sinh ngày: 05/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung không có. Do đó Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Tuy nhiên, ngày 22/12/2021 chị T làm đơn đề nghị hủy bỏ biên bản hòa giải thành với lý do để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại việc hàn gắn tình cảm. Ngày 24/12/2021, Tòa án ra Thông báo về phiên hòa giải vào ngày 04/01/2022 nhưng chị T vắng mặt và làm đơn xin hoãn phiên hòa giải vì lý do công việc đồng thời đề nghị Tòa án sắp xếp lịch tiếp theo vào thời gian sau ngày 14/01/2022. Do đó, Tòa án đã lập biên bản

hoãn phiên hòa giải. Anh P đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn chị Nguyễn Thanh T có địa chỉ cư trú: Nhóm A, Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đồng Hới. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên hòa giải và tiếp cận chứng cứ theo quy định. Các bên đương sự không thỏa thuận được vấn đề để giải quyết vụ án. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên ngày 25/01/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, phiên tòa hoãn theo Quyết định số 08/2022/QĐST-DS ngày 25/01/2022 và ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 17/02/2022.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thanh T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống của mỗi người khác nhau. Chị T đã đưa con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 5/2021, vợ chồng bắt đầu sống ly thân kể từ đó đến nay, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Sau khi anh P làm đơn xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý ly hôn và anh chị đều thống nhất được với nhau về các vấn đề trong vụ án. Tuy nhiên, sau đó chị T làm đơn xin hủy kết quả hòa giải thành vì cho rằng việc ly hôn là bông bột và mong muốn hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để các bên thỏa thuận việc giải quyết vụ án nhưng chị T vắng mặt có đơn xin hoãn phiên hòa giải vì lý do công việc và đề nghị Tòa án mở phiên hòa giải tiếp theo sau ngày 14/01/2022. Mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không có các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, anh chị mỗi người vẫn sống một nơi, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Chị T xác định cần có thời gian để suy nghĩ

lại và hàn gắn tình cảm nhưng lại vắng mặt tại phiên hòa giải và không sắp xếp được thời gian để vợ chồng hòa giải, không thể hiện được thiện chí hòa giải như chị đã trình bày. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng là không còn biện pháp khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần áp dụng quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh P được ly hôn với chị T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn P và chị Nguyễn Thanh T đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trần Mai A, sinh ngày: 05/5/2020. Anh P và chị T đã thống nhất giao con chung là cháu Trần Mai A, sinh ngày: 05/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Nhưng sau đó chị T thay đổi ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con lên 7.000.000đ.

Xét thấy hiện cháu Mai A đang còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Chị T đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con lên 7.000.000đ vì cho rằng anh có thu nhập cao nhưng lại không xuất trình được căn cứ xác định mức thu nhập của anh P. Trong khi đó anh P khai chỉ thu nhập khoảng 8.000.000đ đến 10.000.000đ, còn nuôi con riêng của anh nên chỉ có khả năng đóng tiền nuôi con chung 2.500.000đ như đã thỏa thuận tại phiên hòa giải. HĐXX thấy rằng cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình tuyên xử cho anh Trần Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử: Giao 01 con chung là Trần Mai A, sinh ngày: 05/5/2020 cho chị Thùy trực tiếp nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ 02/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử: Buộc anh Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly

hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Số tiền anh P phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số 31AA/2021/0001052 ngày 01 tháng 12 năm 2021, anh P còn phải nộp là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- UBND P. Đức Ninh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn